

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG ĐỒNG THÁP



GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: XỬ LÝ ẢNH BẰNG PHOTOSHOP
NGÀNH, NGHỀ: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định Số: /QĐ-CĐCĐ-ĐT ngày..... tháng..... năm.....
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp)*

Đồng Tháp, năm 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Đã từ lâu Photoshop đã trở thành công cụ không thể thiếu đối với các họa sĩ, các nhà xử lý ảnh. Trong tay các nhà thiết kế mỹ thuật cây gậy thần Photoshop đã giúp họ không chỉ tái hiện thế giới theo cách riêng mà còn biến ước mơ thành sự thật.

Photoshop trình bày các kỹ thuật xử lý ảnh cao cấp, các tính năng mới giúp bạn tạo được các hình ảnh đẹp mắt rõ nét, và mang tính mỹ thuật cao. Với các kỹ thuật tối ưu ảnh, bạn sẽ tạo đoạn hoạt hình từ một ảnh đơn bằng cách sử dụng các file GIF hoạt hình, một file GIF hoạt hình là chuỗi liên tiếp nhiều ảnh hoặc nhiều khung hợp thành.

Giáo trình “*Xử lý ảnh bằng Photoshop*” được biên soạn dùng cho sinh viên Ngành, Nghề Công Nghệ Thông Tin đồng thời cũng là tài liệu tham khảo bổ ích cho sinh viên các khối ngành khác của trường.

Giáo trình “*Xử lý ảnh bằng Photoshop*” đã bám sát nội dung chương trình chi tiết do nhà trường ban hành gồm 6 chương:

Chương 1. THAO TÁC CƠ BẢN TRONG PHOTOSHO

Chương 2. HỘP CÔNG CỤ (TOOLS), NHÓM CÔNG CỤ DI CHUYỂN VÀ LỰA CHỌN TRONG PHOTOSHOP

Chương 3. CỘ BRUSH VÀ LAYER TRONG PHOTOSHOP

Chương 4. CÁC THAO TÁC VỀ TEXT TRONG PHOTOSHOP

Chương 5. HIỆU CHỈNH SÁNG TỐI VÀ CÁC CÔNG CỤ XỬ LÝ ẢNH TRONG PHOTOSHOP

Chương 6. NHÓM BỘ LỌC (FILTER) TRONG PHOTOSHOP

Nhằm cung cấp cho sinh viên một hệ thống kiến thức đầy đủ về xử lý ảnh bằng Photoshop. Từ đó sinh viên sẽ có đầy đủ nền tảng cơ bản để có thể thiết kế và xử lý sản phẩm ngoài thực tế.

Đồng Tháp, ngày.....tháng..... năm 2017

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên: Lương Phụng Tiên

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	i
CHƯƠNG 1: THAO TÁC CƠ BẢN TRONG PHOTOSHOP	1
1 Khái niệm về Photoshop	1
2 Khởi động Photoshop	2
3 Các thành phần trong màn hình Photoshop	3
4 Tạo tập tin mới	5
5 Lưu tập tin	6
6 Mở file đã tồn tại	6
CHƯƠNG 2: HỘP CÔNG CỤ (TOOLS), NHÓM CÔNG CỤ DI CHUYỂN VÀ LỰA CHỌN TRONG PHOTOSHOP	8
1 Hộp công cụ (Tools)	8
2 Nhóm công cụ di chuyển (công cụ Move tool)	12
3 Biến đổi đối tượng (Transform)	16
4 Làm việc với vùng chọn	16
4.1 Công cụ Marquee Tool	16
4.1.1. Công cụ Rectangular Marquee	17
4.1.2 Công cụ Elliptical Marquee	19
4.1.3 Công cụ Single Row Marquee	19
4.1.4 Công cụ Single Column Marquee	19
4.2.2 Công cụ Polygon Lasso	19
4.2.3 Công cụ Magnetic Lasso	19
5 Nhóm công cụ quick select	20
5.1 Công cụ Magic Wand	20
5.2 Công cụ Quick Selection Tool	21
7 Crop Tool	23
8 Bộ công cụ hút màu	26
CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 2	28
CHƯƠNG 3: CỘ BRUSH VÀ LAYER TRONG PHOTOSHOP	31
1 Cộ Brush:	31
2 Nhóm cộ Brush	34
3 Layer:	36
3.1 Cách hiển thị hộp Layer:	37

3.2 Các thành phần của Layer:	37
3.3 Các thao tác trong Layer	38
3.4 Quick Mask	41
3.5 Layer Mask.....	43
CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 3.....	45
CHƯƠNG 4: CÁC THAO TÁC VỀ TEXT TRONG PHOTOSHOP	48
1 Các kiểu Text:	48
2 Định dạng Text:.....	48
3 Layer Style	51
CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 4.....	54
CHƯƠNG 5: HIỆU CHỈNH SÁNG TỐI VÀ CÁC CÔNG CỤ XỬ LÝ ẢNH TRONG PHOTOSHOP.....	56
1 Hiệu chỉnh sáng tối:.....	56
1.1 Lệnh Brightness / Contrast:.....	56
1.2 Lệnh Levels (Ctrl + L):	57
1.4 Lệnh Auto Contrast (Alt + Shift + Ctrl + L):.....	59
1.5 Lệnh Curves (Ctrl + M):	59
1.6 Biểu đồ Histogram :	60
2 Các công cụ xử lý ảnh	62
2.1 Nhóm Stamp Tool:	62
3 Các công cụ nâng cấp hình ảnh.....	67
3.1 Blur Tool	67
3.5 Burn Tool	69
3.6 Sponge Tool	69
CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 5.....	71
CHƯƠNG 6: NHÓM BỘ LỌC (FILTER) TRONG PHOTOSHOP.....	73
Giới thiệu:.....	73
1 Khái niệm Filter :	73
2 Nhóm các bộ lọc (Filter)	73
2.1 Bộ lọc Blur :	73
2.2 Bộ lọc Filter Distort.....	85
2.4 Bộ lọc Filter Noise	96
2.5 Bộ lọc Filter Pixelate.....	107
6.2.6 Nhóm bộ lọc Render :	116
2.7 Bộ lọc Filter Sharpen.....	124

2.8 Bộ lọc Filter Stylize.....	127
CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 6.....	136
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	139

TaiLieu.vn

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: XỬ LÝ ẢNH BẰNG PHOTOSHOP.

Mã môn học: CCN449

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên học xong các môn học chung/ đại cương.
- Tính chất: Thuộc môn học cơ sở và chuyên ngành tự chọn.

Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được các công cụ chọn vùng, tách lớp để lắp ghép hình ảnh.
 - + Mô tả được sự kết hợp bộ lọc với hiệu ứng để tạo nên hình ảnh đầy sắc thái và nghệ thuật
 - + Trình bày được cách thức phối màu cho hình ảnh
- Về kỹ năng:
 - + Xử lý lắp ghép, tạo hiệu ứng cho hình ảnh;
 - + Ghép chữ vào hình ảnh;
 - + Phối màu cho hình ảnh.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có tính kỷ luật, nghiêm túc khi tham gia học tập hoặc nghiên cứu

Nội dung của môn học:

STT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra (thường xuyên, định kỳ)
1	Chương 1: THAO TÁC CƠ BẢN TRONG PHOTOSHOP	1	1	0	0
2	Chương 2: HỘP CÔNG CỤ (TOOLS), NHÓM CÔNG CỤ	6	2	4	0

	DI CHUYỂN VÀ LỰA CHỌN TRONG PHOTOSHOP				
3	Chương 3: CỘ BRUSH VÀ LAYER TRONG PHOTOSHOP	7	3	4	0
4	Chương 4: CÁC THAO TÁC VỀ TEXT TRONG PHOTOSHOP	11	3	7	1
5	Chương 5: HIỆU CHỈNH SÁNG TỐI VÀ CÁC CÔNG CỤ XỬ LÝ ẢNH TRONG PHOTOSHOP	11	3	8	0
6	Chương 6: NHÓM BỘ LỌC (FILTER) TRONG PHOTOSHOP	9	3	5	1
	Cộng	45	15	28	2

CHƯƠNG 1: THAO TÁC CƠ BẢN TRONG PHOTOSHOP

Mã chương: CCN229 - 01

Giới thiệu:

Giới thiệu đến người học những khái niệm cơ bản về Photoshop, cách khởi động Photoshop và các thành phần trong màn hình làm việc với Photoshop.

Mục tiêu:

Kết thúc chương này cung cấp học viên kiến thức tổng quát về photoshop, cách khởi động, mở trang, hiểu được ý nghĩa các thành phần trong màn hình làm việc của Photoshop

Nội dung chính:

1 Khái niệm về Photoshop

Adobe Photoshop làm việc với ảnh bitmap, kỹ thuật số hóa (là dạng hình có màu liên tiếp đã được chuyển thành một loạt các ô vuông nhỏ được gọi là đơn vị Pixel).

Bạn có thể tự tạo ra hình ảnh từ Photoshop hoặc có thể nhập hình vào từ một nguồn khác như:

- Hình từ máy ảnh kỹ thuật số
- Hình được lưu lại từ các đĩa CD
- Hình được scan
- Hình được chụp từ video
- Những hình được vẽ từ các phần mềm khác.

Ảnh bitmap

Ảnh bitmap (nói nôm na là ảnh chụp) được tạo bởi nhiều điểm ảnh gọi là pixel. Pixel được gán cho một địa chỉ và một vị trí màu. Số pixel càng nhiều thì hình ảnh càng rõ nét. Chẳng hạn như đối với ảnh chụp, chúng hiển thị các nét và màu sắc phụ thuộc vào độ phân giải của máy chụp ảnh. Máy chụp ảnh có độ phân giải cao tức là có nhiều số điểm ảnh trong 1 đơn vị inch thì cho ảnh chụp sắc nét, ngược lại, độ phân giải thấp, có ít số điểm ảnh trong 1 đơn vị inch thì ảnh sẽ bị nhòe.

Ảnh vector

Ảnh vector được tạo bởi các đoạn thẳng / cong điều chỉnh bằng các vector toán học (nguyên tắc điểm đầu và điểm cuối). Các ảnh đồ họa vector diễn tả hình ảnh bằng hình học không phụ thuộc độ phân giải, khi di chuyển, phóng to , thu nhỏ, thay đổi màu sắc, thêm/ bớt các đoạn cấu tạo... đều không làm mất đi nét vẽ trong hình ảnh, là lựa chọn tốt nhất cho việc thiết kế và trình bày văn bản.

Độ phân giải của hình ảnh

Độ phân giải của hình ảnh là số điểm ảnh trong 1 inch, thường tính bằng pixel per inch (ppi) (pixels/inch). So sánh độ phân giải của 2 tập tin ảnh bằng cách đếm số lượng điểm ảnh trong 1 inch, tập tin nào có số điểm ảnh lớn hơn thì độ phân giải cao hơn, ảnh rõ nét hơn.

Ví dụ: tập tin ảnh 1×1 inch có độ phân giải là 72ppi thì số lượng điểm ảnh của nó là 72 pixel x 72 pixel = 5.184 pixel. Nếu độ phân giải là 300ppi thì số lượng điểm ảnh là 300 x 300 = 90.000 pixel.

Như vậy muốn xác định độ phân giải cần thiết để hiển thị tập tin ảnh, nên xem xét nhu cầu công việc.

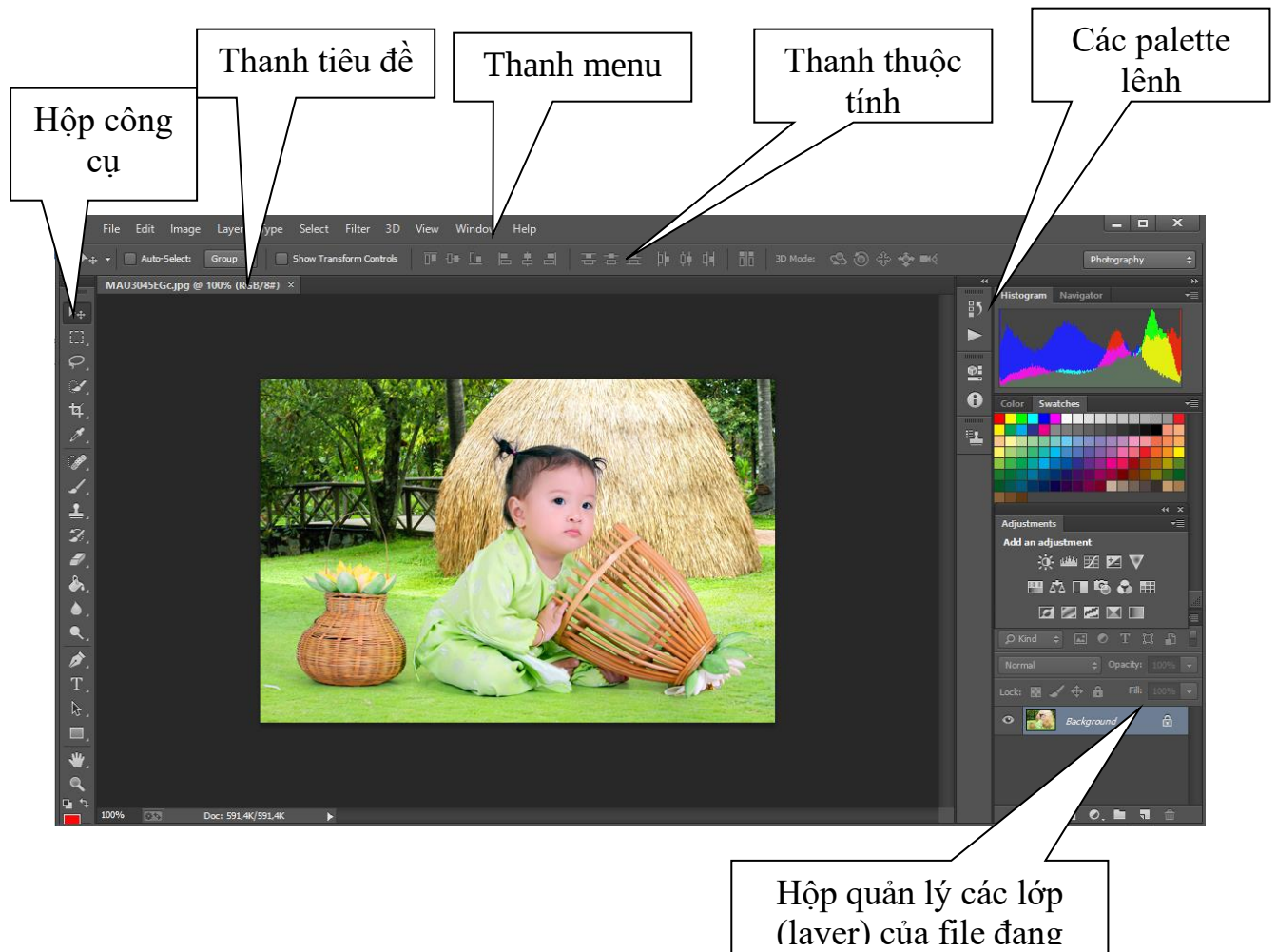
Hình ảnh xem trên máy tính có độ phân giải 72 ~ 75 ppi.

Hình ảnh trong in ấn thường có độ phân giải từ 300ppi trở lên

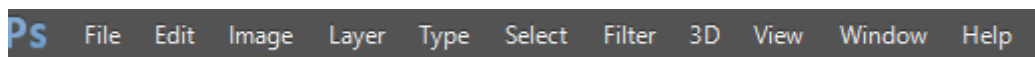
2 Khởi động Photoshop

- Double click vào icon của Photoshop để khởi động
- Start \ All Programs \ Photoshop

3 Các thành phần trong màn hình Photoshop

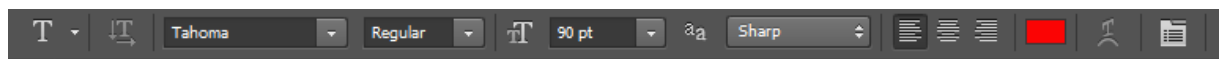


Thanh Menu



Chứa toàn bộ các lệnh làm việc của chương trình.

Thanh thuộc tính



Chứa các tính chất, các tùy chọn của đối tượng hay công cụ được chọn

Thanh tiêu đề



Chứa tên tài liệu hiện hành, tỷ lệ thu phóng, hệ màu và chức năng phóng to, thu nhỏ, đóng chương trình

Hộp công cụ



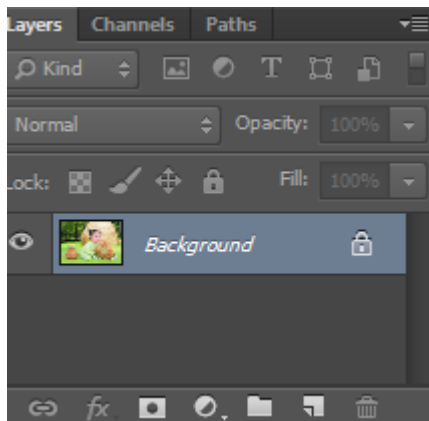
Chứa các công cụ làm việc trực tiếp của chương trình

Các palette lệnh



Mỗi Palette lệnh sẽ chứa một nhóm lệnh tùy theo từng mục đích cụ thể trong quá trình thao tác

Hộp quản lý các lớp (layer) của file đang thao tác



Ngoài ra, còn có Vùng làm việc chứa thanh trượt, thước và các thành phần hỗ trợ khác.

Chế độ xem ảnh

Photoshop cho phép xem ảnh từ 0,67% đến 3200%.

- ☐ Để phóng to: Ctrl + phím (+)
- ☐ Để thu nhỏ: Ctrl + phím (-)
- ☐ Nhấn giữ Ctrl + Alt và phím + (hoặc -) để phóng to hoặc thu nhỏ cả hình ảnh và cả trang chứa hình ảnh đó.
- ☐ Nhấn giữ Ctrl + Alt và phím số 0 để đưa hình ảnh về tỷ lệ 100%.
- ☐ Để xác định chính xác phần hình ảnh muốn phóng to hay thu nhỏ: Chọn công cụ Zoom tool (phím Z) sau đó rê đến phần hình ảnh cần phóng to hay thu nhỏ đó và nhấp chuột. Hoặc giữ Ctrl + Space bar và rê chuột để phóng to 1 khu vực.

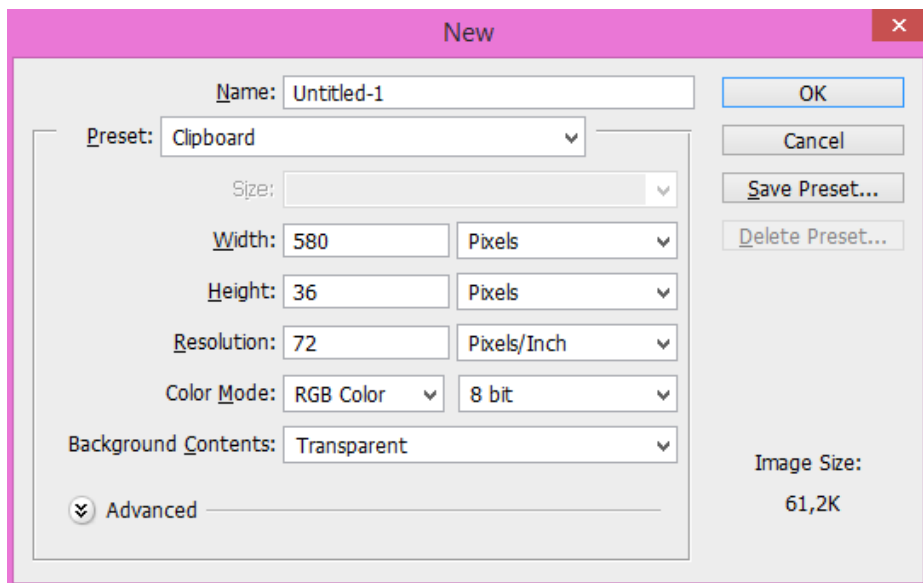
- Có thể phóng to , thu nhỏ hình ảnh bằng menu View → Zoom In / Zoom Out ...
- Menu Window → Navigator. Bấm kéo thanh trượt qua trái/ phải hoặc nhập thông số cụ thể trong ô giá trị. Dùng chuột kéo rê ô màu đỏ trên palette Navigator để di chuyển tới vùng hình ảnh muốn phóng to.



- Chế độ cuộn hình ảnh: Để cuộn xem hình ảnh mà kích thước của nó lớn hơn của sổ hiển thị thì dùng công cụ Hand (phím H), xuất hiện biểu tượng bàn tay nhấp và rê chuột. Hoặc nhấn giữ phím Space bar + rê chuột.

4 Tạo tập tin mới

Vào menu File→New (hoặc sử dụng phím tắt Ctrl + N)



Name: Tên file cần tạo

Width: Độ rộng của ảnh

Height: Độ cao của ảnh

Resolution: Độ phân giải của ảnh

Color Mode: Chế độ màu

Background Contents: Nền của ảnh

5 Lưu tập tin

File > Save as: Lưu tập tin đầu tiên (hoặc Save với một phần mở rộng khác, một nơi khác).

File > Save: Lưu chồng lên tập tin hiện tại lần thứ 2 trở đi.

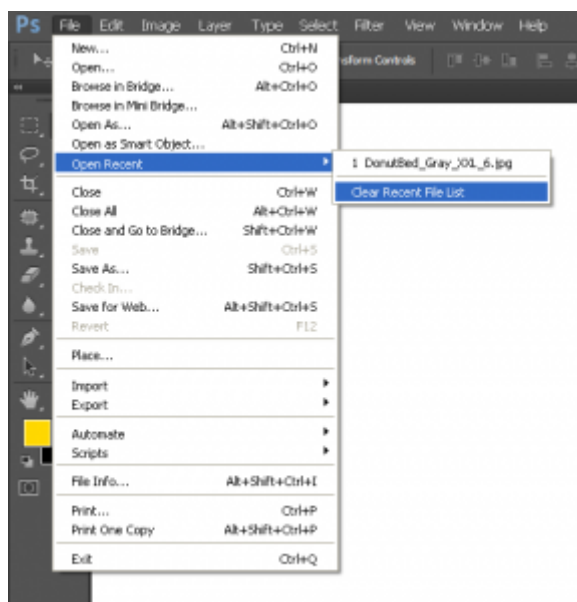
File > Save for web and devices: Lưu tập tin với chức năng tối ưu hóa hình ảnh sử dụng cho web (vd: *.gif, *.jpg, *.png,...)

6 Mở file đã tồn tại

File > Open: Cho phép mở bất kì tập tin hình ảnh nào.

File > Open as smart object: Cho phép mở bất kì tập tin hình ảnh nào, đặc biệt, các hình ảnh được mở bằng lệnh này sẽ tự động trở thành đối tượng dạng Smart Object (cho phép sử dụng và điều chỉnh các hiệu ứng trong Filter như các layer hiệu chỉnh khác).

File > Open Recent: Cho phép mở file ảnh gần nhất đã được sử dụng trước đó. Từ phiên bản Photoshop CS3 trở về sau đều được bổ sung thêm lệnh “Clear Recent File List” cho phép xóa đi danh sách các file ảnh đã được sử dụng gần nhất trong hộp thoại này.



CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 1

1. Trình bày cách khởi động, mở trang mới, lưu file trong Photoshop
2. Trình bày các thành phần trong màn hình Photoshop

TaiLieu.vn

CHƯƠNG 2: HỘP CÔNG CỤ (TOOLS), NHÓM CÔNG CỤ DI CHUYỂN VÀ LỰA CHỌN TRONG PHOTOSHOP

Mã chương: CCN229 - 02

Giới thiệu:

Giới thiệu hộp công cụ (Tools) trong Photoshop.

Mục tiêu: Kết thúc chương này cung cấp học viên kiến thức về chức năng của các công cụ trong hộp công cụ của Photoshop

Nội dung chính:

1 Hộp công cụ (Tools)

Để chọn một công cụ, bạn chỉ cần click chuột vào công cụ đó ở hộp Tools hoặc có thể nhấn phím tắt từ bàn phím. Công cụ chọn sẽ có tác dụng cho đến khi bạn chọn một công cụ khác.

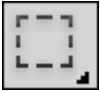
Một vài công cụ có hình tam giác nhỏ ở góc dưới phải để cho bạn biết còn có các công cụ ẩn phía dưới.

Cách chọn các công cụ ẩn:

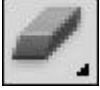
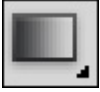
- Nhấn giữ chuột trên công cụ có chứa công cụ ẩn, sau đó di chuyển chuột chọn công cụ mong muốn từ menu chứa.
- Nhấn giữ Shift + phím tắt của công cụ, lặp lại nhiều lần cho đến khi xuất hiện công cụ mà bạn muốn chọn.
- Nhấn giữ Alt và click vào công cụ. Mỗi lần click các công cụ bị ẩn sẽ kế tiếp xuất hiện.

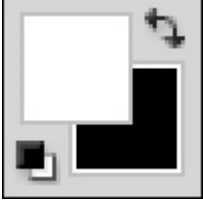


Các công cụ trên Toolbox

	Rectangular Marquee Tool (<i>phím tắt: M</i>): Đây là công cụ lựa chọn dạng cơ bản, lựa chọn vùng theo dạng hình khối cơ bản (có thể là hình chữ nhật, elip, 1 dòng đơn hoặc 1 cột đơn. Nếu muốn lựa chọn theo dạng hình vuông hoặc hình tròn cân đối thì giữ Shift trong quá trình khoanh vùng. Nếu muốn thay đổi khung chọn giữa hình chữ nhật và hình ellip thì nhấn Shift + M (hoặc chuột phải vào biểu tượng công cụ trên thanh Toolbox và chọn hình như ý).
	Move Tool (<i>phím tắt: V</i>): Đây là công cụ di chuyển. Nếu bạn đang chọn một vùng, sử dụng công cụ này để di chuyển vùng chọn đó. Bạn cũng có thể di chuyển nhiều layer một lúc sau khi đã chọn layer cần di chuyển.
	Lasso Tool (<i>phím tắt: L</i>): Đây là một công cụ lựa chọn khác, công cụ này cho phép bạn vẽ nhanh một vùng chọn. Vùng chọn này có thể là một hình dạng đặc biệt tùy theo từng phần trên bức ảnh của bạn. Giữ Shift + L để thay đổi chế độ chọn khoanh vùng (Lasso) hay đa giác (Polygonal hoặc Magnetic).

	Quick Selection Tool (<i>phím tắt: W</i>): Đây là công cụ chọn vùng gần đúng. Kích biểu tượng bút vẽ vào một vùng của bức ảnh, Photoshop sẽ đọc và cố gắng lấy vùng chọn có màu sắc tương đồng. Nhấn Shift + W để thay đổi giữa công cụ Quick Selection Tool và Magic Wand Tool.
	Crop Tool (<i>phím tắt: C</i>): Vẽ thành một vùng chọn hình chữ nhật, sau đó cắt lấy bức ảnh nằm trong vùng chọn đã vẽ. Công cụ này rất hữu ích thường được sử dụng để cắt xén một bức ảnh có không gian hơi "thừa". Nhấn Shift + C để thay đổi giữa công cụ Slice và Slice Select, một công cụ hữu ích để tạo ra nhiều hình ảnh từ một hình duy nhất, thường sử dụng trong việc lên hình ảnh cho một website.
	Eyedropper Tool (<i>phím tắt: I</i>): Chọn một màu bất kỳ từ tài liệu mà bạn đã mở. Shift + I để thay đổi giữa các công cụ: Color Sampler, Ruler và Note Tool.
	Spot Healing Brush Tool (<i>phím tắt: J</i>): Rất hữu ích trong việc xóa các vết ố, trầy xước không mong muốn trên ảnh. Nhấn Shift + J để thay đổi giữa Healing Brush, Patch Tool và công cụ Red Eye (dùng để xử lý mắt đỏ)
	Brush Tool (<i>phím tắt: B</i>): Đây là công cụ phết tạp duy nhất trên Toolbox. Rất nhiều bài trên Quản Trị Mạng đã hướng dẫn sử dụng công cụ này để vẽ các hình ảnh lặp đi lặp lại. Nhấn Shift + B để lựa chọn lần lượt công cụ Pencil, Color Replacement Tool, và Mixer Brushes.
	Clone Stamp Tool (<i>phím tắt: S</i>): Đây cũng là một công cụ brush sửa ảnh khác, giữ Alt và kích chuột vào vùng nền "nguồn" và sau đó kích chuột trái chọn vùng nền muốn "phủ" vùng "nguồn" lên. Nhấn Shift + S để chọn các công cụ đóng dấu khác nhau.
	History Brush Tool (<i>phím tắt: Y</i>): Làm việc song song với History Palette, bạn có thể "lấy lại màu gốc" với công cụ này. Sử dụng như một công cụ lọc, bạn chọn phần muốn lấy lại màu nền như ảnh gốc (phần được chọn phải nằm trong

	vùng đã bị thay đổi nền). Nhấn Shift + Y để thay đổi giữa History Brush Tool và Art History Brush Tool.
	Eraser Tool (<i>phím tắt: E</i>): Đây là công cụ dùng để xóa một vùng ảnh. Nếu ảnh là layer Background hoặc bị khóa thì vùng bị xóa sẽ lấy theo màu Background Color. Nhấn Shift + E để chuyển giữa chế độ xóa Eraser, Background Eraser, hay Magic Eraser.
	Gradient Tool (<i>phím tắt: G</i>): Kích và kéo gradient màu phủ đầy lên layer hoặc vùng mà bạn chọn bằng màu foreground và background trên thanh công cụ. Có rất nhiều tùy chọn gradient màu bạn có thể sử dụng. Mở rộng trong công cụ này còn có Paint Bucket Tool - dùng để phủ một màu đơn cho 1 vùng hoặc 1 layer đang chọn. Nhấn Shift + G để chuyển đổi giữa 2 chế độ phủ màu.
	Blur, Sharpen, and Smudge Tools: mặc định, công cụ này không có phím tắt. Có ba công cụ chỉnh sửa ảnh nằm trong nút công cụ này. Smudge là thanh công cụ đặc biệt có thể tạo hiệu ứng vuốt màu tuyệt vời trên hình ảnh của bạn. Chuột phải vào nút công cụ để chọn những công cụ khác nhau: Blur và Sharpen.
	Dodge and Burn Tools (<i>phím tắt: O</i>): Dodge và Burn là công cụ chỉnh sửa giúp làm sáng hoặc tối một vùng cho bức ảnh. Nhấn Shift + O để thay đổi lựa chọn giữa các công cụ.
	Pen Tool (<i>phím tắt: P</i>): Đây là một công cụ "gây ác mộng" cho người dùng mới bắt đầu. Các công cụ Pen rất khó trong việc sử dụng nhưng là một ưu điểm của Photoshop. Shift + P sẽ cho phép bạn chuyển đổi giữa các công cụ làm việc với path (đường dẫn).
	Type Tool (<i>phím tắt: T</i>): Cho phép bạn nhập một đoạn nội dung, mặc định là theo chiều ngang. Nhấn Shift + T để chọn công cụ Vertical Type Tool (nhập nội dung theo chiều dọc) và Type Mask Tools.

	Path Selection and Direct Selection Tools (<i>phím tắt: A</i>): Đây là một công cụ chỉnh sửa các phân đoạn trong một đoạn đường dẫn (path). Có thể bỏ qua công cụ này trừ khi bạn sử dụng Pen Tool để vẽ 1 đoạn đường dẫn. Nhấn Shift + A để chuyển đổi giữa Path Selection và Direct Selection.
	Custom Shape Tool (<i>phím tắt: U</i>): Đây là công cụ để tạo các hình vector hoặc clipart từ một thư viện hình có sẵn. Nhấn Shift + U để lựa chọn giữa các công cụ vẽ hình chữ nhật, tam giác, các đường nét và hình clipart.
	Zoom Tool (<i>phím tắt: Z</i>): Đây là công cụ dùng để zoom to và nhỏ ảnh. Phóng to với việc nhấn chuột trái và thu nhỏ bằng cách nhấn thêm Alt trong khi kích chuột. Đây là công cụ cơ bản nhất trên thanh công cụ.
	Hand Tool (<i>phím tắt: H</i>): Cuộn tài liệu mà không cần sử dụng con trỏ chuột hay phím mũi tên. Nhấn và giữ phím Space bất cứ khi nào bạn cần sử dụng công cụ này, nhả phím Space khi không cần sử dụng đến nó nữa.
	Background/Foreground : Đây là bảng 2 màu sắc đang được sử dụng để chỉnh sửa ảnh. Màu trên là Foreground, màu dưới là Background. Nhấn phím X trên bàn phím để chuyển đổi màu Foreground thành Background và ngược lại. Nhấn phím D để đưa 2 màu này về mặc định là trắng và đen.
	Quick Mask Mode (<i>phím tắt: Q</i>): Đây là một chế độ thay thế cho việc tạo các lựa chọn phức tạp với các công cụ Brush, Eraser và Paint Bucket. Nhấn phím Q để chuyển đổi giữa việc chọn chế độ Quick Mask Mode và chế độ thường.
	Change Screen Mode : Đây là chế độ thay đổi màn hình

2 Nhóm công cụ di chuyển (công cụ Move tool)

Move Tool  là công cụ nằm đầu tiên trên thanh công cụ, tính từ trên xuống dưới. Ở vị trí này, chúng ta cũng có thể thấy rằng Move Tool dễ dàng được chọn nhiều nhất. Bạn